

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST
Ngày 31/5/2022
V/v “tranh chấp về
hợp đồng gia công, xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát Triển.

2. Ông Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Văn An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, Đồng Tháp.

Ngày 26, 31/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 314/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021, về việc tranh chấp về hợp đồng gia công, xây dựng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 316/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Văn T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số nhà 36/1, khóm 2, phường 3, đường Lý Tự Trọng, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

Bị đơn: Nguyễn H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số nhà 03 lô A, KDC ấp Tân Lộc B, xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ hồ sơ khởi kiện gồm đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung, lời trình bày nguyên đơn Phan Văn T trình bày:

Ông Phan Văn T và anh Nguyễn H có thỏa thuận ký kết “tờ hợp đồng” ngày 22.6.2020 với nội dung ông T thực hiện cho anh Nguyễn H là chủ đầu tư để xây dựng, gia công mới căn nhà cấp 4, có gác, với diện tích 60m² bao gồm

các hạng mục theo hợp đồng. giá trị xây dựng là 1.400.000 đồng/m², bên anh H đưa trước 5.000.000 đồng sau khi hợp đồng và ứng tiền hàng tuần cho ông T, phần còn lại đưa đủ sau khi hoàn thành.

Trong quá trình thi công thì giữa ông T và anh H thống nhất thay đổi diện tích xây dựng là 50,4m² nên số tiền là 70.560.000 đồng, trừ tiền ứng 5.000.000 đồng thì còn lại theo hợp đồng là 65.560.000 đồng, tiền ông T ứng hàng tuần để trả công là 45.440.000 đồng.

Đồng thời giữa ông T và anh H có thỏa thuận miệng thi công thêm các phần phát sinh ngoài hợp đồng là 84.960.000 đồng.

Nay ông Phan Văn T yêu cầu buộc ông Nguyễn H trả tiền theo hợp đồng xây dựng, gia công nợ gốc còn lại là 40.520.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì.

Bị đơn Nguyễn H vắng mặt tại các buổi hòa giải, công khai chứng cứ của Tòa án. Tuy nhiên tại phiên tòa có trình bày ý kiến anh Nguyễn H thống nhất giữa anh và ông Phan Văn T có thỏa thuận ký kết “tờ hợp đồng” ngày 22.6.2020 với nội dung ông T thực hiện cho anh Nguyễn H là chủ đầu tư để xây dựng, gia công mới căn nhà cấp 4, có gác, với diện tích 60m² bao gồm các hạng mục theo hợp đồng. giá trị xây dựng là 1.400.000 đồng/m², bên anh H đưa trước 5.000.000 đồng sau khi hợp đồng và ứng tiền hàng tuần cho ông T, phần còn lại đưa đủ sau khi hoàn thành.

Trong quá trình thi công thì giữa ông T và anh H thống nhất thay đổi diện tích xây dựng là 50,4m² đúng như ông Phan Văn T trình bày, giữa anh Nguyễn H và ông Phan Văn T cũng có thỏa thuận miệng để thi công thêm các phần phát sinh. Tuy nhiên về phần phát sinh và số tiền không đúng như ông Phan Văn T yêu cầu. Đồng thời anh Nguyễn H có cung cấp “bảng tổng kết” tiền xây dựng căn nhà của ông Phan Văn T tự soạn thảo chi tiết và gửi cho anh H để thông báo kết nợ sau khi đã hoàn thành. Tại “bảng tổng kết” số tiền nợ còn lại sau khi tổng kết là 24.960.000 đồng. Tại phiên tòa anh Nguyễn H thống nhất còn nợ số tiền này và đồng ý trả cho ông Phan Văn T.

Đối với ý kiến của anh Nguyễn H và chứng cứ cung cấp thì ông Phan Văn T thừa nhận là “bảng tổng kết” là do ông T soạn thảo và gửi đến anh Nguyễn H để anh H thực hiện trả nợ cho ông. Tuy nhiên ông T cho rằng “bảng tổng kết” mà ông gửi cho anh Nguyễn H chưa chi tiết mà nội dung ông khởi kiện tại Tòa án mới chi tiết và số tiền ông yêu cầu 40.520.000 đồng là đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Nguyễn H có mặt và sinh sống ở địa phương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông Phan Văn T và anh Nguyễn H có thỏa thuận ký kết “tờ hợp đồng” ngày 22.6.2020 với nội dung ông T thực hiện cho anh Nguyễn H là chủ đầu tư để xây dựng, gia công mới căn nhà cấp 4, có gác, với diện tích 60m² bao gồm các hạng mục theo hợp đồng. giá trị xây dựng là 1.400.000 đồng/m², bên anh H đưa trước 5.000.000 đồng sau khi hợp đồng và ứng tiền hàng tuần cho ông T, phần còn lại đưa đủ sau khi hoàn thành.

Trong quá trình thi công thì giữa ông T và anh H thống nhất thay đổi diện tích xây dựng là 50,4m². Về nội dung này đã được ông T và anh H thống nhất.

Trong thời gian thi công xây dựng thì anh Nguyễn H và ông Phan Văn T cũng có thỏa thuận miệng để thi công thêm các phần phát sinh. Tuy nhiên ông Phan Văn T và anh Nguyễn H không có gì chứng minh cho việc thi công thêm phần phát sinh này.

Căn cứ “bảng tổng kết” do bị đơn Nguyễn H cung cấp đồng thời có sự thừa nhận của ông Phan Văn T: cụ thể “bảng tổng kết” do ông Phan Văn T tự soạn thảo liệt kê về nội dung hợp đồng, về phần diện tích xây dựng ban đầu, diện tích xây dựng thay đổi, phần phát sinh thêm, tổng kết tiền công và hợp đồng, tiền tạm ứng... Tổng kết nợ là 24.960.000 đồng. Đối với số tiền này anh Nguyễn H thống nhất và đồng ý trả cho ông T.

Đồng thời “bảng tổng kết” này ông Phan Văn T tự soạn thảo và gửi đến cho anh Nguyễn H để thông báo số tiền nợ còn lại sau khi đã hoàn tất thi công nhưng anh Nguyễn H chưa thanh toán.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Phan Văn T cho rằng “bảng tổng kết” này ông gửi để thông báo đến anh Nguyễn H là chưa chi tiết. xét lời trình bày của ông T là có mâu thuẫn, đồng thời ông T cũng không chứng minh được cho số tiền mà ông yêu cầu anh Nguyễn H theo như nội dung khởi kiện và nội dung “bảng tổng kết” mà bị đơn anh Nguyễn H cung cấp đã được ông T thừa nhận.

Do đó chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T buộc anh Nguyễn H trả số tiền 24.960.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn Nguyễn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Đối với ông T phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 542, Điều 543, Điều 544, Điều 552 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ông Phan Văn T.
2. Buộc anh Nguyễn H có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn T số tiền còn nợ gốc là 24.960.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn H nộp 1.248.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Buộc ông Phan Văn T nộp 778.000 đồng khấu trừ số tiền 1.013.000 đồng ông T đã tạm ứng theo biên lai số 0005791 ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Hoàn trả ông T 235.000 đồng.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31/5/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Bùi Thanh Hùng – Chung Thị Thu
Nguyệt**

Lê Thị Kiều Tiên

Lấp Vò, ngày 11 tháng 10 năm 2017

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 10 năm 2017

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông: Lê Quan Nam.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thế.

2. Ông Đỗ Hồng Quân.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 54/2017/TLST-DS, ngày 27/3/2017 về vụ án: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, Hợp đồng dân sự hui*" giữa:

- *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị Sang**, sinh năm 1964

Địa chỉ 515, ấp Hiệp Thành, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1984. Trú tại số 187, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Sang (Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2017)

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thanh Trang**, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 470, ấp An Lợi A, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

Căn cứ Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Sang.

2. Buộc anh Nguyễn Thanh Trang hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Sang vốn vay là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực **phaùp luaät**, bà Nguyễn Thị Sang có đơn yêu cầu thi hành án, anh Nguyễn Thanh Trang chưa trả số tiền trên cho bà Sang thì anh Trang còn phải trả lãi cho bà Sang theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định định tương ứng từng thời điểm thi hành án.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Sang về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh Trang trả lại 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tiền hối.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Thanh Trang nộp 8.100.000 đồng (*Tám triệu một trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Sang không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự và **được nhận lại 16.467.000 đồng theo biên lai số 19825 ngày 25/02/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Sang, báo cho bà Sang biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự Nguyễn Thanh Trang được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Biên bản nghị bàn đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÁO CÁO TRAO ĐỔI ÁN

Vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, Hợp đồng dân sự hối*”.
Thụ lý số 54/2017/TLST- DS ngày 27/3/2017, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị Sang**, sinh năm 1964

Địa chỉ 515, ấp Hiệp Thành, xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Trung, sinh năm 1984. Trú tại số 187, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Sang (Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2017)

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thanh Trang**, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 470, ấp An Lợi A, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị Sang trình bày: Vào năm 2006 anh Nguyễn Thanh Trang có vay của bà Sang 198.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là khi nào bà Sang cần lấy lại. Sau khi vay anh Sang có đóng lãi cho bà Sang được 06 tháng với số tiền 36.000.000 đồng thì ngưng luôn đến nay, không đóng lãi và trả vốn cho bà Sang, bà Sang có yêu cầu anh Trang trả lại vốn vay, anh Sang hứa hẹn trả cho bà Sang nhiều lần nhưng đến nay không trả.

Ngoài số tiền vay anh Trang thiếu bà Sang nói trên, anh Sang còn nợ tiền hội bà Sang với số tiền là 14.000.000 đồng. Sau khi anh Trang thiếu bà Sang 198.000.000 đồng tiền vay và 14.000.000 đồng tiền hội, đến ngày 16/7/2007 anh Trang làm tờ hẹn trả nợ cho bà Sang tại tờ hẹn trả ngày 16/7/2007 anh Sang hẹn trả cho bà Sang 198.000.000 đồng tiền vay và 14.000.000 đồng tiền hội vào tháng 10/2007, nhưng đến nay anh Trang vẫn không trả số tiền trên cho bà Sang.

Nay bà Sang xin rút một phần yêu cầu đơn khởi kiện ngày 14/3/2016 đổi với yêu cầu anh Sang trả lại 14.000.000 đồng tiền hội. Yêu cầu anh Trang hoàn trả lại vốn vay 162.000.000 đồng (Đã trừ 36.000.000 đồng tiền lãi anh Trang đã trả cho bà Sang vào vốn vay 198.000.000 đồng).

- Anh Nguyễn Thanh Sang đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định, nhưng anh Sang không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Xét thấy lời trình bày và yêu cầu trên của bà Sang là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Bởi vì, căn cứ vào tờ hẹn trả ghi ngày 16/7/2007 là do anh Trang ký tên và ghi họ tên là có vay của bà Sang 198.000.000 đồng và hẹn đến tháng 10/2007 trả cho bà Sang, nhưng đến nay anh Trang không trả số tiền trên cho bà Sang. Do đó căn cứ vào tờ hẹn trả ngày 16/7/2007 của anh Trang, nghĩ nên buộc anh Trang hoàn trả lại cho bà Sang vốn vay là 162.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ và đúng

*** Quan điểm thẩm phán:**

Căn cứ Điều 471; Điều 474; Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Sang.
2. Buộc anh Nguyễn Thanh Trang hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Sang vốn vay là 162.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu đồng).
3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Sang về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh Trang trả lại 14.000.000 đồng hội. Do bà Nguyễn Thị Sang rút yêu cầu.

Người báo cáo

Lê Quan Nam

